

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH A
TỈNH HẬU GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 90/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 28 – 7 – 2023
V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH A, TỈNH HẬU GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Mạc Thị Chiên

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Hoa Lài
2. Bà Trương Ngọc Điệp

- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Tuấn Vũ – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huyền Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 7 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 52/2023/TL.ST-HNGĐ, ngày 03 tháng 3 năm 2023 về việc tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 112/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 6 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1971 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp AP, xã MH, huyện LV, tỉnh Đồng Tháp.

2. Bị đơn: Bà Đoàn Thị T, sinh năm 1972 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp PL, xã TPT, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn và quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn ông Nguyễn Văn N trình bày:

Trước đây, ông và bà Đoàn Thị T tự nguyện thương yêu nhau và được hai bên gia đình đồng ý, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Mỹ An Hưng B, huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp vào năm 2009. Thời gian đầu vợ chồng chung sống rất hạnh phúc, nhưng đến năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, bất hòa về tình cảm do không có tiếng nói chung nên hôn nhân rơi vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vợ

chồng cũng đã ly thân từ đầu năm 2022 cho đến nay. Nhận thấy không thể hàn gắn được tình cảm vợ chồng nên ông yêu cầu được ly hôn với bà T.

Về con chung: Có 01 con chung là cháu Nguyễn Quốc Tâm (nam), sinh ngày 01/6/2001. Do cháu Tâm hiện đã thành niên nên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết về vấn đề nuôi dưỡng cháu Tâm.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Quá trình tố tụng tại Tòa án, bà Đoàn Thị T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt nên chưa ghi nhận được ý kiến.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Xác định việc thụ lý, hòa giải, thu thập chứng cứ cũng như thủ tục tố tụng tại phiên tòa của Thẩm phán, Hội đồng xét xử là đúng quy định của pháp luật, đảm bảo được quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự.

Về nội dung giải quyết vụ án: Áp dụng Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Văn N được ly hôn với bà Đoàn Thị T; Về con chung: Do đã thành niên nên không xem xét giải quyết. Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét. Về án phí: Đương sự phải chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Ông Nguyễn Văn N và bà Đoàn Thị T do phát sinh mâu thuẫn trong đời sống hôn nhân và gia đình mà không thể hàn gắn tình cảm được với nhau nên ông N yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với bà T, nên theo quy định tại Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì xác định quan hệ tranh chấp giữa các đương sự là ly hôn và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa, bị đơn bà Đoàn Thị T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không rõ lý do, ông Nguyễn Văn N có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với ông N, bà T.

[3] Về nội dung giải quyết vụ án:

[3.1] Xét yêu cầu ly hôn của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy: Giữa ông Nguyễn Văn N và bà Đoàn Thị T tồn tại quan hệ hôn nhân hợp pháp trên cơ sở giấy đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống, giữa ông N và bà T phát sinh mâu thuẫn. Ông N cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn là vợ chồng bất đồng quan điểm sống, bất hòa về tình cảm do không có tiếng nói chung. Do không giải quyết được mâu thuẫn nên ông N và bà T đã không còn sống chung với nhau.

Quá trình giải quyết, ông N xác định không còn tình cảm với bà T nên cương quyết ly hôn. Đối với bà T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt nên không ghi nhận được ý kiến và cũng không hòa giải đoàn tụ cho các bên đương sự. Đến thời điểm giải quyết vụ án các đương sự vẫn không có biện pháp nào giải quyết mâu thuẫn và hiện ông N và bà T cũng đã ly thân. Cho thấy, mâu thuẫn hôn nhân của các đương sự là trầm trọng, đời sống hôn nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận cho ông N được ly hôn với bà T.

[3.2] Về con chung: Do cháu Nguyễn Quốc Tâm (nam), sinh ngày 01/6/2001 đã thành niên, đủ khả năng lao động nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết về vấn đề nuôi dưỡng, cấp dưỡng.

[3.3] Về tài sản chung và nợ chung: Theo ông N khai là không có, nhưng do chưa làm việc được với bà T nên chưa xác định được. Do đó, Hội đồng xét xử chưa xem xét giải quyết.

[4] Về án phí: Ông Nguyễn Văn N phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định.

[5] Từ những tình tiết, căn cứ nêu trên, xét yêu cầu của ông N cũng như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn N.

1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Văn N được ly hôn với bà Đoàn Thị T. Giấy chứng nhận kết hôn số 103, ngày 24/8/2009 của Ủy ban nhân dân xã Mỹ An Hưng B, huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp cấp cho ông N, bà T không còn giá trị pháp lý kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Chưa giải quyết.

4. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Ông Nguyễn Văn N phải chịu 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng). Chuyển 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí ông N đã nộp theo biên lai số 0012409 ngày 03 tháng 3 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành A thành tiền án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm (ông N đã nộp xong).

5. Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hậu Giang;
- Các đương sự;
- CQ THA DS h.Châu Thành A;
- VKSND h.Châu Thành A;
- UBND xã Mỹ An Hưng B;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Mạc Thị Chiên